

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 52



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Công ty

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có các đơn vị sản xuất và kinh doanh hạch toán phụ thuộc gồm:

- Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
- Xí nghiệp Công Nghiệp và Dịch Vụ Ô Tô
- Xí nghiệp Dịch vụ Ô Tô Isuzu An Lạc
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô An Lạc
- Xí Nghiệp Đầu tư Xây Dựng Đò Thành
- Xí nghiệp Cơ khí Ô Tô Chuyên dùng An Lạc
- Chi nhánh Hà Nội
- Nhà máy ô tô thương mại Samco

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:

- Sản xuất, đóng mới, lắp ráp các phương tiện vận tải ô tô, phụ tùng ô tô các loại và các sản phẩm công nghiệp khác;
- Sản xuất và kinh doanh các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác, các thiết bị cơ khí phục vụ vệ sinh môi trường, thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và trang trí nội thất;
- Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa dàn khoan và các công trình trên sông, trên biển;
- Kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp hàng hải và dầu khí;
- Cải tạo, sửa chữa ô tô, sửa chữa các phương tiện đường bộ và cung cấp dịch vụ bảo hành ô tô;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa, mua bán xe ô tô các loại, máy móc phụ tùng, các loại động cơ nổ, hàng trang trí nội thất, vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu nhớt, khí hóa lỏng;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư phụ tùng, vật liệu xây dựng chuyên ngành giao thông công chánh;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghiệp, máy móc, phụ tùng cho ngành giao thông công chánh, xăng, dầu, nhớt, gas, mỡ, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón, thiết bị trạm xăng dầu, phương tiện giao thông vận tải. Thiết bị chế tạo và thiết kế đóng mới các loại phương tiện giao thông đường bộ;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp, thiết bị, phương tiện giao thông đường bộ;

3448
ÔNG
NHIỆM
EM T
VIỆT
TP.H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Đào tạo, giáo dục định hướng và đưa người lao động, chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hành khách liên tỉnh, hành khách công cộng thành phố (xe buýt), hành khách du lịch, du lịch lữ hành trong nước, quốc tế bằng đường bộ, đường thủy theo luồng tuyến cố định và theo hợp đồng kinh tế;
- Khai thác, kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước;
- Khai thác, kinh doanh bến xe khách, bến xe tải, bến tàu sông, cảng sông, bến thủy nội địa, cảng biển, tổ chức xếp dỡ, bảo quản giao nhận hàng hóa, trung chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy, trung chuyển hàng hóa bằng container;
- Dịch vụ, đại lý: vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hóa cho tàu trong và ngoài nước;
- Tổng thầu xây dựng và tư vấn xây dựng các công trình cầu, đường bộ, bến, bãi đậu xe, cảng sông, cảng biển, bờ kè. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, thoát nước, thủy lợi, công viên cây xanh, đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, công trình điện trung – hạ thế. San lấp mặt bằng. Nạo vét kênh, rạch;
- Thiết kế cải tạo và thiết kế đóng mới các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh và cho thuê kho, bến bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng làm việc;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2015, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Tài	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/02/2015)

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Lê Thu Minh	Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông TRẦN QUỐC TOÀN

Tổng Giám Đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Số: 133/2016/BCKT-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

ĐỖ CHÍ LIỄU
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3233-2015-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.636.792.297.455	1.189.473.211.537
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	406.008.238.110	225.676.790.027
Tiền	111		406.008.238.110	222.176.790.027
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	613.200.000	2.238.200.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		613.200.000	2.238.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		495.318.071.079	532.157.609.486
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	246.446.139.495	157.086.854.449
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	66.124.400.857	48.029.671.660
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	56.671.719.325	59.929.556.325
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	143.856.219.293	286.022.786.229
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(20.798.876.202)	(20.984.156.202)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.018.468.311	2.072.897.025
Hàng tồn kho	140	5.8	731.141.808.856	427.776.699.183
Hàng tồn kho	141		731.141.808.856	427.776.699.183
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.710.979.410	1.623.912.841
Thuế GTGT được khấu trừ	152		815.203.174	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	2.895.776.236	1.623.912.841
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.357.224.894.032	2.303.099.604.146
Các khoản phải thu dài hạn	210		58.737.761.483	103.360.920.431
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	58.737.761.483	103.360.920.431
Tài sản cố định	220		769.306.980.170	663.966.603.909
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	766.744.266.131	663.585.733.029
Nguyên giá	222		983.517.883.167	798.350.884.441
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.773.617.036)	(134.765.151.412)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.562.714.039	380.870.880
Nguyên giá	228		4.832.147.002	2.050.347.002
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.269.432.963)	(1.669.476.122)
Tài sản dở dang dài hạn	240		313.439.441.778	421.623.232.255
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	313.439.441.778	421.623.232.255
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.185.786.795.301	1.097.111.057.183
Đầu tư vào công ty con	251		618.163.159.360	580.410.072.956
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		612.370.483.181	598.039.121.319
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(44.746.847.240)	(81.338.137.092)
Tài sản dài hạn khác	260		29.953.915.300	17.037.790.368
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	26.025.800.909	17.037.790.368
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.928.114.391	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.994.017.191.487	3.492.572.815.683

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.057.173.538.497	1.619.106.043.025
Nợ ngắn hạn	310		1.384.323.746.943	841.607.449.861
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	212.721.832.908	187.214.850.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	66.203.679.334	63.483.450.967
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	203.963.881.597	65.718.401.949
Phải trả người lao động	314		131.851.504.313	77.020.775.074
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	17.677.425.632	16.698.442.178
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	48.344.793.632	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	4.060.795.157	5.439.533.835
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	556.029.164.004	342.603.726.877
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	143.470.670.366	83.428.268.204
Nợ dài hạn	330		672.849.791.554	777.498.593.164
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	170.283.213.924	125.531.466.273
Phải trả dài hạn khác	337	5.18	375.150.060.938	516.903.840.373
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	96.139.798.689	121.777.078.341
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		31.276.718.003	13.286.208.177
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.936.843.652.990	1.873.466.772.658
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.936.843.652.990	1.873.466.772.658
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.582.941.527.444	1.468.570.302.369
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		349.974.011.156	345.864.113.574
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.928.114.390	59.032.356.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.928.114.390	59.032.356.715
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.994.017.191.487	3.492.572.815.683



[Signature]
VÕ THỊ THANH THÙY
Người lập

[Signature]
PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng

[Signature]
TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016


TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.162.109.452.446	3.797.586.892.486
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	5.162.109.452.446	3.797.586.892.486
Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.737.578.018.836	3.497.232.738.197
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		424.531.433.610	300.354.154.289
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	257.756.646.861	93.531.168.367
Chi phí tài chính	22	6.4	(21.285.838.447)	13.627.011.059
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		12.114.470.254	23.738.116.907
Chi phí bán hàng	25	6.5	143.003.630.308	100.077.388.495
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	180.738.851.004	125.462.064.325
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		379.831.437.606	154.718.858.777
Thu nhập khác	31	6.7	36.474.968.951	36.851.967.158
Chi phí khác	32	6.8	8.501.040.398	5.645.172.955
Lợi nhuận khác	40		27.973.928.553	31.206.794.203
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		407.805.366.159	185.925.652.980
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	40.486.541.392	25.247.788.003
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.928.114.391)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		371.246.939.158	160.677.864.977


VÕ THỊ THANH THỦY
Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	407.805.366.159	185.925.652.980
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	86.781.475.220	36.007.138.059
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(36.776.569.852)	(9.852.124.112)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.083.277)	(2.219.777)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(251.671.781.259)	(91.989.395.159)
Chi phí lãi vay	06	12.114.470.254	23.738.116.907
Các khoản điều chỉnh khác	07	18.430.309.826	10.700.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	236.612.187.071	154.527.168.898
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(84.761.093.404)	(122.420.669.089)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(303.365.109.673)	(97.047.937.608)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	48.811.076.735	429.852.666.344
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(8.988.010.541)	(15.663.244.913)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.114.470.254)	(23.738.116.907)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.760.503.196)	(15.555.563.735)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	194.486.751.025	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.340.198.500)	(7.990.201.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.580.629.263	301.964.101.158
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(99.003.949.664)	(300.813.015.346)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	601.000.001	1.295.215.068
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(54.433.785.358)	(33.074.291.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	59.316.622.358	38.925.227.355
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.810.000.000)	(21.501.600.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	942.138.138	1.575.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	176.909.679.964	92.226.445.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	78.521.705.439	(221.367.018.555)
Tiền thu từ đi vay	33	4.219.037.486.834	3.274.258.006.662
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.031.249.329.359)	(3.199.039.420.247)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(106.630.127.371)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.158.030.104	75.218.586.415
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	180.260.364.806	155.815.669.018
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	225.676.790.027	69.858.901.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	71.083.277	2.219.777
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	406.008.238.110	225.676.790.027

Handwritten signature
VÕ THỊ THANH THÙY
Người lập

Handwritten signature
PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG
VẬN TÀI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN**
Handwritten signature
TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2015, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cầu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, P10, Quận 5, TP. HCM	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ	100,00%	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
		phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.			
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP.HCM	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP.HCM	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	51,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Cảng Phú Định	Số 14, đường số 1 - Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP.HCM	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, đại lý vận tải, giao nhận hàng hóa	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP.HCM	Xây dựng cầu đường	48,01%	48,01%	48,01%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP.HCM	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết	43,64%	43,64%	43,64%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP.HCM	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. HCM	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	Số 10 Điện Biên Phủ, Quận. Bình Thạnh, TP.HCM	Trung tâm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa các loại xe ô tô, xưởng dịch vụ ủy quyền của Mercedes-Benz Việt Nam.	32,63%	32,63%	32,63%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP.HCM	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	Số 01 Xa lộ Hà Nội, Quận 9, TP.HCM	Sửa chữa xe hơi	30,00%	30,00%	30,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP.HCM	Sản xuất xe có động cơ	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP.HCM	Vận tải hàng hóa đường bộ	29,93%	29,93%	29,93%
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. HCM	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu	20,00%	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.334 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.106 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc (thu hồi hoặc đáo hạn) không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu tài chính trên cơ sở thông báo lợi nhuận từ các công ty này.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tổng Công ty áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Trước năm 2015	Từ năm 2015 trở về sau
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	25	05 – 25
Máy móc thiết bị	04 – 25	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 10	04 – 07

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm kể từ năm 2015 trở đi.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

4.14 Tiền lương

Căn cứ vào Nghị quyết số 07/NQ-HĐTV ngày 17 tháng 03 năm 2016 do chủ tịch Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2015 của Tổng Công ty.

4.15 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu từ xây dựng

Doanh thu xây dựng ghi nhận theo khối lượng thực hiện được chủ đầu tư xác nhận và Tổng Công ty đã xuất hóa đơn.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.18 Giá vốn

Giá vốn hàng hóa bao gồm giá mua hàng, chi phí mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp. Giá vốn dịch vụ sửa chữa bao gồm tiền nhân công và giá trị phụ tùng thay thế.

Giá vốn thành phẩm sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí chung phân bổ.

Giá vốn công trình xây dựng được kết chuyển theo tỉ lệ khoán trên doanh thu thực hiện, cho các đội xây dựng thuộc Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	TP.HCM	Công ty con
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	TP.HCM	Công ty con
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	TP.HCM	Công ty con (Không còn là bên liên quan từ 30/09/2015)
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP.HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Cảng Phú Định	TP.HCM	Công ty Liên kết (được chuyển tên từ Công ty TNHH MTV Cảng Sông TP.HCM từ ngày 06/03/2015)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết (được chuyển tên từ Công ty TNHH MTV Đóng Tàu An Phú ngày 12/03/2015)
Công ty CP Hoà Phú	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô Vận Tải Số 5	TP.HCM	Công ty Liên kết (Không còn là bên liên quan từ 21/01/2015)
Công ty CP Ô tô Vận Tải Số 1	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP.HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	TP.HCM	Công ty Liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty CP Ô tô An Thái	TP.HCM	Công ty con trước ngày 25/12/2015, Công ty Liên kết từ ngày 25/12/2015)
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	TP.HCM	Công ty con trước ngày 30/09/2015; Công ty Liên kết (từ ngày 30/09/2015)

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	3.135.214.088	2.704.661.979
Tiền gửi ngân hàng VND	402.069.774.664	219.426.787.909
USD	803.249.358	45.340.139
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	-	3.500.000.000
	406.008.238.110	225.676.790.027

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	35.779,48	803.249.358

5.2 Các khoản đầu tư

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng				
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Thủ Thiêm	-	-	1.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Tháp	613.200.000	-	613.200.000	-
Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh Hoàng Mai Hà Nội	-	-	125.000.000	-
	613.200.000	-	2.238.200.000	-

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2015 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương – chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng huy động tiền gửi có kỳ hạn số 49/2012/HĐV.NTĐT kèm theo văn bản số 45/VCB.ĐT về việc cam kết tiếp tục gửi tiền có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Đầu tư vào công ty con	(a)	618.163.159.360	580.410.072.956
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(b)	612.370.483.181	598.039.121.319
Dự phòng giảm giá đầu tư		(44.746.847.240)	(81.338.137.092)
		<u>1.185.786.795.301</u>	<u>1.097.111.057.183</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246.455.000.000	-	246.455.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	170.614.857.146	-	170.614.857.146	166.811.270.742	-	166.811.270.742
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	72.000.000.000	-	72.000.000.000	72.000.000.000	-	72.000.000.000
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	23.057.302.214	23.057.302.214	-	23.057.302.214	23.057.302.214	-
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	3.836.500.000	-	3.836.500.000	3.836.500.000	-	3.836.500.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	8.160.600.000	-	8.160.600.000	8.160.600.000	-	8.160.600.000
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	12.750.000.000	-	12.750.000.000	12.750.000.000	-	12.750.000.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	81.288.900.000	10.688.580.000	70.600.320.000	81.288.900.000	35.692.860.000	45.596.040.000
Công ty CP Ô tô An Thái	-	-	-	4.590.000.000	12.777.740	4.577.222.260
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	-	-	-	5.176.500.000	2.627.170.563	2.549.329.437
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	-	-	-	2.739.000.000	1.363.019.936	1.375.980.064
	618.163.159.360	33.745.882.214	584.417.277.146	580.410.072.956	62.753.130.453	517.656.942.503

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
				Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH VT TH Kumho Samco Buslines	58.313.901.750	-	58.313.901.750	58.313.901.750
Công ty liên kết				
Công ty CP Cảng Phú Định	161.700.000.000	-	161.700.000.000	161.700.000.000
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	29.400.000.000	-	29.400.000.000	29.400.000.000
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	4.873.500.000	3.633.137.176	1.240.362.824	-
Công ty CP Hoà Phú	48.000.000.000	-	48.000.000.000	44.000.000.000
Công ty CP Ô tô An Thái	6.400.000.000	-	6.400.000.000	205.112.588
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	86.406.452.000	-	86.406.452.000	-
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	11.050.123.700	-	11.050.123.700	86.406.452.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	1.367.827.850	1.367.827.850	-	11.050.123.700
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	42.573.265.000	-	42.573.265.000	1.367.827.850
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	17.381.675.000	-	17.381.675.000	11.012.066.200
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức	6.000.000.000	6.000.000.000	-	17.381.675.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	88.536.000.000	-	88.536.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	16.977.737.881	-	16.977.737.881	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	33.390.000.000	-	33.390.000.000	-
Công ty CP Ô tô Vận Tải Số 5	-	-	-	33.390.000.000
	612.370.483.181	11.000.965.026.601	369.518.155	598.039.121.319
				18.585.006.638
				579.454.114.681

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	1.277.415.405	696.158.403
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	266.406.510	8.764.290
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	145.103.830	1.537.262.405
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	2.600.000	2.600.000
Công ty CP Hòa Phú	-	12.256.267
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	89.058.238	74.256.916
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	55.105.697	111.774.250
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	3.204.318.792	3.204.318.792
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH Samsung Engineering VN	48.502.253.658	-
Các khách hàng khác	192.903.877.365	151.439.463.126
	246.446.139.495	157.086.854.449
5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Ôtô An Thái	-	52.976.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	500.000	500.000
Công ty CP Hòa Phú	143.387.619	66.000.000
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	927.223.899	8.564.270
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	5.550.680.000	609.400.000
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	37.961.671	-
Các tổ chức khác		
Guangxi Nanning Vision Mechanical & Electrical Co,Ltd	7.758.126.914	1.056.759.233
Công ty TNHH Suntra Global	11.794.156.790	-
Công ty Ôtô Toyota Việt Nam	15.577.745.556	13.301.509.902
Các nhà cung cấp khác	24.334.618.408	32.933.962.255
	66.124.400.857	48.029.671.660
5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	3.247.993.525	6.625.065.525
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	-	300.000.000
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	2.837.000.000	2.837.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
Công ty CP Cảng Phú Định	39.941.674.166	45.941.674.166
Công ty CP Ôtô An Thái	10.278.765.000	3.859.530.000
	56.671.719.325	59.929.556.325

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
Phải thu lãi cho vay				
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	41.094.904	-	41.075.407	-
Công ty CP Ô tô An Thái	41.007.018	-	22.396.717	-
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	777.273.863	-	777.273.863	-
Công ty CP Cảng Phú Định	190.549.720	-	218.771.942	-
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	-	-	43.692.785	-
Lợi nhuận cổ tức được chia				
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	16.973.505.191	-	19.011.694.205	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	68.690.990.911	-	40.255.467.064	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	-	-	81.600.000	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	3.825.000.000	-	-	-
Phải thu cổ phần hóa				
Công ty CP Cảng Phú Định	-	-	167.731.333.709	-
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	-	-	25.345.302.682	-
Phải thu khác – dịch vụ cung cấp				
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	19.500.000	-	-	-
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	972.222	-	87.888.889	-
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	97.500.000	-	6.000.000	-
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	-	-	673.917.071	-
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	4.306.900.433	-	3.930.514.356	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	-	-	29.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	-	-	1.112.320.876	-
Công ty CP Hòa Phú	-	-	6.000.000	-
Kinh phí công đoàn	-	-	34.171.011	-
Bảo hiểm xã hội	154.495.462	-	115.158.617	-
Phải thu khác	10.025.047.585	-	7.830.577.537	-
Tạm ứng	18.839.772.384	-	15.143.450.877	-
Ký quỹ ngân hàng	19.452.809.600	-	2.792.564.132	-
Ký quỹ khác	419.800.000	-	732.614.489	-
	143.856.219.293	-	286.022.786.229	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Thị Xã Dĩ An	50.090.431.483	-	102.663.465.431	-
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 9	1.856.875.000	-	-	-
Ký quỹ tại ngân hàng	6.000.000.000	-	-	-
Ký quỹ khác	790.455.000	-	697.455.000	-
	58.737.761.483	-	103.360.920.431	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7 Nợ xấu

	31/12/2015			01/01/2015		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Bên liên quan						
Công ty CP Bền Xe Miền Tây – Phải thu thương mại	Trên 3 năm	2.600.000	-	Trên 3 năm	2.600.000	-
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	3.128.502.993	-	Trên 3 năm	3.128.502.993	-
Phải thu khác	Trên 3 năm	3.614.273.863	-	Trên 3 năm	3.614.273.863	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn – Phải thu khác	Trên 3 năm	489.892.425	-	Trên 3 năm	489.892.425	-
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam - Ứng trước	Trên 1 năm	619.490.295	-	Trên 6 tháng	619.490.295	-
Các khách hàng khác						
Công ty TNHH Quốc Đạt	Trên 3 năm	5.128.185.922	-	Trên 3 năm	5.313.465.922	-
Công ty TNHH TM DV Phụng Hoàng	Trên 3 năm	3.122.999.995	-	Trên 3 năm	3.122.999.995	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	235.063.850.585	230.370.919.876	Trên 3 năm	145.519.285.539	140.826.354.830
		251.169.796.078	230.370.919.876		161.810.511.032	140.826.354.830

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	20.984.156.202	20.443.975.215
Trích lập trong năm	-	619.490.295
Hoàn nhập trong năm	(185.280.000)	(79.309.308)
Số dư cuối năm	<u>20.798.876.202</u>	<u>20.984.156.202</u>

5.8 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	200.889.068.671	-	102.122.880.148	-
Công cụ dụng cụ	628.051.110	-	14.921.688	-
Chi phí sản xuất dở dang sản xuất xe	36.668.708.983	-	67.359.449.243	-
Chi phí sản xuất dở dang dịch vụ	1.236.680.630	-	-	-
Chi phí sản xuất dở dang các công trình	65.956.272.412	-	46.406.820.414	-
Thành phẩm	255.253.302.296	-	129.427.134.711	-
Hàng hóa	170.380.522.363	-	82.316.290.588	-
Hàng gửi đi bán	129.202.391	-	129.202.391	-
	<u>731.141.808.856</u>	<u>-</u>	<u>427.776.699.183</u>	<u>-</u>

044
 CÔNG
 NHÌ
 M
 VI
 TP. H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	606.017.008.738	89.172.746.238	30.103.604.113	13.199.810.880	59.857.714.472	798.350.884.441
Mua sắm trong năm	850.791.117	33.493.671.556	8.062.093.083	2.148.734.146	151.818.182	44.707.108.084
Đầu tư XDCB hoàn thành	109.060.352.710	44.671.312.135	582.259.805	45.103.636	5.339.803.771	159.698.832.057
Giảm do thanh lý	(5.278.008.927)	-	(911.226.851)	(133.647.313)	(194.605.000)	(6.517.488.091)
Giảm do phân loại lại	(11.502.711.221)	(17.631.000)	-	-	-	(11.520.342.221)
Giảm khác	(1.201.111.103)	-	-	-	-	(1.201.111.103)
Tại ngày 31/12/2015	697.946.321.314	167.320.098.929	37.836.730.150	15.260.001.349	65.154.731.425	983.517.883.167
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	63.091.774.081	49.455.691.494	9.148.525.766	5.918.611.354	7.150.548.717	134.765.151.412
Khấu hao trong năm	40.650.930.286	22.473.494.145	7.721.577.947	2.620.052.974	12.715.463.027	86.181.518.379
Giảm do thanh lý	(2.431.215.218)	-	(727.401.204)	(133.647.313)	(80.352.855)	(3.372.616.590)
Giảm do phân loại lại	(755.715.758)	(17.631.000)	-	-	-	(773.346.758)
Giảm khác	(27.089.407)	-	-	-	-	(27.089.407)
Tại ngày 31/12/2015	100.528.683.984	71.911.554.639	16.142.702.509	8.405.017.015	19.785.658.889	216.773.617.036
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	542.925.234.657	39.717.054.744	20.955.078.347	7.281.199.526	52.707.165.755	663.585.733.029
Tại ngày 31/12/2015	597.417.637.330	95.408.544.290	21.694.027.641	6.854.984.334	45.369.072.536	766.744.266.131
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.609.259.684	47.221.854.675	6.703.122.663	5.081.441.572	499.544.714	81.115.223.308

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tại ngày 31/12/2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 372.525.694.911 VND được thể chấp ở Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2015	2.050.347.002
Tăng trong năm	2.781.800.000
Tại ngày 31/12/2015	4.832.147.002
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2015	1.669.476.122
Khấu hao tăng trong năm	599.956.841
Tại ngày 31/12/2015	2.269.432.963
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2015	380.870.880
Tại ngày 31/12/2015	2.562.714.039

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1.905.608.312 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31/12/2015 nhưng vẫn còn sử dụng.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư tại ngày 01/01/2015 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	Kết chuyển khác VND	Số dư tại ngày 31/12/2015 VND
Xây dựng Bến xe Miền Đông Mới	403.984.564.868	106.334.405.927	-	(198.096.863.338)	312.222.107.457
Các công trình khác	17.638.667.387	153.029.771.580	(162.298.832.057)	(7.152.272.591)	1.217.334.321
	421.623.232.255	259.364.177.507	(162.298.832.057)	(205.249.135.929)	313.439.441.778



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền thuê mặt bằng cảng Phú Định	-	720.000.000
Tiền thuê đất	26.025.800.909	16.317.790.368
	<u>26.025.800.909</u>	<u>17.037.790.368</u>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	707.577.000	-
Công ty CP DV Ôtô Hàng Xanh	710.046.260	1.144.299.420
Công ty CP Hòa Phú	274.901.187	-
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	140.620.054	6.312.914.980
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	4.299.508.229	25.236.103.471
Công ty TNHH Ôtô Toyotsu Samco	734.254.165	97.439.766
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	6.698.909.091	-
Các tổ chức khác		
Công ty TNHH Denso Việt Nam	23.964.185.296	20.011.966.739
Phải trả nhà cung cấp khác	175.191.831.626	134.412.126.401
	<u>212.721.832.908</u>	<u>187.214.850.777</u>

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	-	450.050.000
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	5.600.000	-
Các tổ chức khác		
Công ty CP Bình Điền	10.680.106.331	-
Công ty TNHH MTV Thoát Nước Đô Thị TP. Hồ Chí Minh	7.300.000.000	-
Các khách hàng khác	48.217.973.003	63.033.400.967
	<u>66.203.679.334</u>	<u>63.483.450.967</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	7.496.226.274	-	568.025.541.620	(575.521.767.894)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	41.337.588.388	(41.337.588.388)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.928.698.110	-	40.486.541.392	(40.760.503.196)	16.654.736.306	-
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	(1.623.912.841)	6.693.207.427	(7.961.983.389)	-	(2.892.688.803)
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 5%	577.000	-	9.233.775	(12.898.208)	-	(3.087.433)
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 10%	814.799.631	-	1.547.682.718	(1.525.622.921)	836.859.428	-
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ 20%	193.893.040	-	-	-	193.893.040	-
Thuế tài nguyên	-	-	825.700	(825.700)	-	-
Tiền thuế đất	3.552.100.960	-	15.054.099.094	(8.546.771.416)	10.059.428.637	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	153.661.323	(153.661.323)	-	-
Thuế môn bài	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Các khoản phải nộp khác	36.732.106.934	-	246.809.997.897	(107.323.140.645)	176.218.964.186	-
Cộng	65.718.401.949	(1.623.912.841)	920.136.379.334	(783.162.763.080)	203.963.881.597	(2.895.776.236)



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015	
	VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	407.805.366.159	
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	45.042.016.878	
Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(250.689.219.361)</u>	
Thu nhập tính thuế TNDN	202.158.163.676	
Trích quỹ khoa học công nghệ	<u>18.430.309.826</u>	
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	183.727.853.850	
Thuế suất	<u>22%</u>	
Chi phí thuế TNDN	40.420.127.847	
Thu nhập kinh doanh bất động sản tạm nộp thuế	<u>66.413.545</u>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>40.486.541.392</u>	
5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công trình xây dựng	17.079.010.097	12.632.656.537
Bảo hành nghiệm thu xe	<u>598.415.535</u>	<u>4.065.785.641</u>
	<u>17.677.425.632</u>	<u>16.698.442.178</u>
5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn		
5.17.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	378.000.000	-
Dịch vụ sửa chữa	78.063.635	-
Cung cấp hàng hóa	<u>47.888.729.997</u>	<u>-</u>
	<u>48.344.793.632</u>	<u>-</u>
5.17.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bên liên quan - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	119.122.662.045	124.397.466.273
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	<u>47.433.006.546</u>	<u>-</u>
Doanh thu công trình xây dựng	3.727.545.333	-
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	<u>-</u>	<u>1.134.000.000</u>
	<u>170.283.213.924</u>	<u>125.531.466.273</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn – Trả hộ	-	77.004.391
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn – Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.989.749	4.886.883
Công Ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho – Tiền hợp tác xây dựng	2.431.611.852	2.173.611.852
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco – Tiền hợp tác xây dựng	-	1.817.571.400
Công ty Cổ Phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn – lãi vay	10.684.667	-
Công ty Cổ Phần Bến Xe Miền Tây – lãi vay	160.270.000	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	181.639.333	-
Công ty CP Cơ Khí Ô tô Thủ Đức – Phải trả cổ phần hóa	181.446.100	181.446.100
Kinh phí công đoàn	229.775.535	-
Phải trả nợ hộ cho SAGACO	-	143.652.465
Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	260.000.000
Phải trả khác	860.377.921	781.360.744
	4.060.795.157	5.439.533.835

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nhận ký quỹ dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn	2.747.608.000	2.747.608.000
Công ty CP Cảng Phú Định	8.000.600	8.000.600
Công ty CP Hòa Phú	30.000.000	-
Các đối tượng khác	9.057.552.935	8.572.330.435
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	363.306.899.403	505.575.901.338
	375.150.060.938	516.903.840.373

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng (a)	458.356.884.352	244.281.937.225
Các đơn vị thành viên (b)	66.000.000.000	66.409.510.000
Ký phiếu nội bộ (c)	6.035.000.000	6.275.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.637.279.652	25.637.279.652
	556.029.164.004	342.603.726.877

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(a) Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (1)	228.530.780.780	164.068.812.902
Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Bến Thành (2)	99.868.131.400	44.647.195.373
Ngân hàng TNHH MTV HSBC – CN TP. Hồ Chí Minh (3)	88.489.360.000	19.482.720.710
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	41.468.612.172	16.083.208.240
	<u>458.356.884.352</u>	<u>244.281.937.225</u>

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 078/2015-HĐTĐHM/NHCT903-SAMCO ngày 19 tháng 06 năm 2015 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

Mục đích vay : Bổ sung vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh.
 Thời hạn vay : Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
 Lãi suất vay : 4,0%/năm
 Hình thức đảm bảo : Thế chấp quyền thuê đất và toàn bộ tài sản trên đất tại 262-246 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0356/BET.DN/LD15 ngày 08 tháng 07 năm 2015 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0357/BET.DN/LD15 ngày 08 tháng 07 năm 2015 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh; Chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu; Bảo lãnh và phát hành thư tín dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba.
 Thời hạn vay : Từ 08/07/2015 đến 31/07/2016
 Lãi suất vay : Căn cứ theo thông báo lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.
 bảo

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số VNM 151944 ngày 22 tháng 12 năm 2015 từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh. Đáp ứng nhu cầu vốn của công ty cho nhu cầu dịch vụ thương mại.
 Thời hạn vay : 1 năm
 Lãi suất vay : Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND cộng với tối đa 1,75%/năm.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.
 bảo

(4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 130-000-183471 ngày 20 tháng 02 năm 2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng của hợp đồng 130-000-183471/AN01 ngày 10 tháng 03 năm 2015 từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh. Nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất xe, chi phí sản xuất xe, và mua bán xe thương mại.
 Thời hạn vay : 20/02/2015 đến 20/02/2016
 Lãi suất vay : Là chi phí vốn huy động từ thị trường Của NH Shinhan 03 tháng cộng 1,07%/Năm tại thời điểm giải ngân.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(b) Chi tiết vay ngắn hạn các đơn vị thành viên

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông (1)	34.000.000.000	34.207.286.667
Công ty CP Bến xe Miền Tây (2)	30.000.000.000	30.190.030.000
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn (3)	2.000.000.000	2.012.193.333
	66.000.000.000	66.409.510.000

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 10/HĐVV – SC ngày 29 tháng 01 năm 2015 từ Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
 Thời hạn vay : 01/01/2015 đến 31/12/2015
 Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất ngân hàng.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 33/HĐVV – SC ngày 08 tháng 04 năm 2015 từ Công ty CP Bến Xe Miền Tây:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
 Thời hạn vay : 01/04/2015 đến 31/03/2016
 Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất sẽ thay đổi theo lãi suất ngân hàng. Nhà nước.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng 09/HĐVV - SC ngày 29 tháng 01 năm 2015 từ Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn:

Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh.
 Thời hạn vay : 01/01/2015 đến 31/12/2015
 Lãi suất vay : 0,517%/tháng (tương đương 6,2% /năm), lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất ngân hàng.
 Hình thức đảm bảo : Vay tín chấp.

(c) Chi tiết vay ngắn hạn kỳ phiếu nội bộ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kỳ phiếu nội bộ 3 tháng	6.035.000.000	6.275.000.000

Vay ngắn hạn của cán bộ công nhân viên dưới hình thức phát hành kỳ phiếu nội bộ với lãi suất từ 0,41% /tháng.

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay dài hạn – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	121.777.078.341	147.414.357.993
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(25.637.279.652)	(25.637.279.652)
	96.139.798.689	121.777.078.341

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 432/2012/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2014 từ Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm:

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, để đầu tư dự án Khu văn phòng kinh doanh dịch vụ Oto và nhà đậu xe cao tầng của bên B 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Thời hạn vay : 92 tháng
- Lãi suất vay : Lãi suất thả nổi.
- Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng tài sản: thế chấp toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất (bao gồm máy móc thiết bị của dự án xây dựng khu văn phòng khối A và nhà đậu xe cao tầng khối B hình thành trong tương lai (loại trừ thiết bị văn phòng), và toàn bộ quyền phải thu, quyền khai thác tài sản, lợi tức phát sinh từ tài sản đảm bảo tại 121-139 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 432/2012/HĐTC
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 443/2012/HĐTC

5.20	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2015 VND	Tăng trong năm VND	Chi quỹ VND	31/12/2015 VND
	Quỹ khen thưởng	52.132.502.574	14.421.495.114	(4.946.122.784)	61.607.874.904
	Quỹ phúc lợi	30.209.887.606	54.597.799.413	(3.966.961.981)	80.840.725.038
	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.085.878.024	697.725.000	(761.532.600)	1.022.070.424
		83.428.268.204	69.717.019.527	(9.674.617.365)	143.470.670.366

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.21 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư 01/01/2015	1.454.884.762.360	-	345.864.113.574	59.285.066.654	1.860.033.942.588	
Điều chỉnh số dư đầu năm theo biên bản chi cục Tài chính TP. Hồ Chí Minh	13.685.540.009	-	-	(252.709.939)	13.432.830.070	
Số dư 01/01/2015	1.468.570.302.369	-	345.864.113.574	59.032.356.715	1.873.466.772.658	
Lãi trong năm	-	-	-	371.246.939.158	371.246.939.158	
Trích quỹ						
Quỹ đầu tư phát triển	-	111.352.756.764	-	(111.352.756.764)	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(68.194.237.462)	(68.194.237.462)	
Quỹ khen thưởng ban quản lý	-	-	-	(697.725.000)	(697.725.000)	
Tặng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	111.352.756.764	(111.352.756.764)	-	-	-	
Tặng khác	3.018.468.311	-	-	-	3.018.468.311	
Chuyển lợi nhuận về cho chủ sở hữu	-	-	-	(246.106.462.257)	(246.106.462.257)	
Số dư 31/12/2015	1.582.941.527.444	-	349.974.011.156	3.928.114.390	1.936.843.652.990	

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số dư chi tiết quỹ hỗ trợ sắp xếp các doanh nghiệp sau cổ phần hóa	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	61.604.582.629	61.604.582.629
Công ty CP Cơ Khí Ô Tô Thủ Đức	16.399.390.902	16.399.390.902
Công ty CP Cơ Khí Chiến Thắng	7.086.393.141	7.086.393.141
Công ty Vận Tải Sông Sài Gòn	11.561.070.034	11.561.070.034
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	10.870.229.082	10.253.843.005
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	21.908.139.885	21.908.139.885
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Thành phố	3.003.921.075	3.003.921.075
Công ty CP CôngTrình Giao Thông Quận 8	1.013.534.590	1.013.534.590
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu - Comeco	870.979.070	870.979.070
Công ty CP Cảng Phú Định	168.066.391.278	167.731.333.709
Công ty CP Đóng tàu An Phú	25.595.302.682	25.345.302.682
Chi trợ cấp thời việc của các công ty cổ phần hóa	(418.022.004)	(418.022.004)
Lãi quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	22.412.098.792	19.503.644.856
	349.974.011.156	345.864.113.574

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	01/01/2015	
	31/12/2015	01/01/2015
USD	35.779,48	2.120,68

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán hàng hóa	2.542.487.151.038	2.036.827.946.693
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	1.829.688.602.790	1.378.105.090.502
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	275.167.694.865	230.447.393.018
Doanh thu xây dựng	443.441.126.629	127.946.241.701
Doanh thu khác	71.324.877.124	24.260.220.572
	5.162.109.452.446	3.797.586.892.486
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	5.162.109.452.446	3.797.586.892.486

Trong đó, doanh thu các bên liên quan

	2015	2014
	VND	VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	15.524.589.902	22.806.736.228
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	12.615.773.043	11.018.151.936
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	8.864.646.590	3.654.098.496
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	5.364.161.690	2.788.390.407
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	3.236.567.875	12.081.690.704
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	2.631.620.064	98.307.771
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	1.143.558.776	2.070.846.576
Công ty CP Hoà Phú	1.275.543.633	-
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	968.616.735	28.078.028
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	54.174.800	6.300.000
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	-	15.169.910
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	-	11.180.100
	51.679.253.108	54.578.950.156

6.2 Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.499.896.112.543	1.948.603.779.076
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	1.517.871.707.621	1.181.363.398.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ sửa chữa xe	234.273.353.026	230.778.859.576
Giá vốn xây dựng	420.365.217.959	118.270.512.910
Giá vốn khác	65.171.627.687	18.216.188.135
	4.737.578.018.836	3.497.232.738.197

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	2.968.876.213	3.199.183.706
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.618.136.084	88.686.599.439
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	3.670.640.462	482.193.060
Lãi tỷ giá hối đoái	26.214.397	156.516.567
Thu nhập tài chính khác	401.696.428	1.004.455.818
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm	71.083.277	2.219.777
	<u>257.756.646.861</u>	<u>93.531.168.367</u>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	12.114.470.254	23.738.116.907
Thoái hóa vốn	3.042.000.000	-
Lỗ tỷ giá hối đoái	148.981.151	276.779.251
Hoàn nhập dự phòng	(36.591.289.852)	(10.392.305.099)
Chi phí tài chính khác	-	4.420.000
	<u>(21.285.838.447)</u>	<u>13.627.011.059</u>

6.5 Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	52.622.000.198	24.148.604.418
Chi phí vật liệu	1.538.589.031	11.377.463.689
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.281.887.937	2.768.061.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.194.156.158	1.090.789.313
Chi phí bảo hành	191.757.084	3.801.713.616
Chi phí thuê đất, mặt bằng	13.858.912.033	(1.269.574.486)
Chi phí hoa hồng	11.421.780.602	12.320.156.756
Chi phí bảo hiểm	7.090.383.735	4.985.856.753
Chi phí khác	48.804.163.530	40.854.316.782
	<u>143.003.630.308</u>	<u>100.077.388.495</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	91.256.144.822	70.776.071.097
Chi phí văn phòng phẩm	638.926.568	366.826.228
Chi phí đồ dung văn phòng	5.905.600.546	3.589.957.869
Chi phí khấu hao	17.454.181.611	4.647.789.854
Thuế, phí và lệ phí	862.634.374	520.392.455
Chi phí dự phòng	(185.280.000)	540.180.987
Trích quỹ khoa học công nghệ	18.430.309.826	10.700.000.000
Chi phí công tác	7.546.913.792	2.064.452.225
Chi phí khác	38.829.419.465	32.256.393.610
	180.738.851.004	125.462.064.325

6.7 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định		
Thu thanh lý	-	1.295.215.068
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	(1.075.390.471)
Thưởng hoàn thành kế hoạch	10.632.066.228	-
Thu nhập hỗ trợ bán hàng	7.442.773.323	9.746.402.029
Thu từ cho thuê mặt bằng	3.992.147.943	10.638.487.703
Thu nhập khác	14.407.981.457	16.247.252.829
	36.474.968.951	36.851.967.158

6.8 Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định		
Thu thanh lý	(601.000.001)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.144.871.501	-
Chi phí tổ chức tham quan, học tập	3.322.362.271	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	800.237.650	3.752.105.948
Chi phí khác	1.834.568.977	1.893.067.007
	8.501.040.398	5.645.172.955

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.967.449.442.633	1.385.212.270.656
Chi phí nhân viên	345.131.441.830	281.605.048.378
Chi phí khấu hao	86.781.475.220	36.007.138.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.851.739.244	71.946.311.446
Chi phí bằng tiền khác	146.317.193.115	97.259.056.766
	2.676.531.292.042	1.872.029.825.305

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Lương và thưởng	<u>5.547.085.093</u>	<u>5.528.207.779</u>

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm 2015, Công ty có các giao dịch với các công ty liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé			
	Doanh thu dịch vụ sửa chữa	1.143.558.776	2.070.846.576
	Cổ tức	13.906.521.284	11.097.081.045
	Tặng vốn góp đầu tư	46.455.000.000	-
	Thu tiền tham quan học tập	185.050.539	-
	Phải trả Thù lao	-	153.331.485
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn			
	Thu tiền tham quan học tập	340.979.933	158.181.818
	Doanh thu bán xe	2.590.909.091	11.648.117.824
	Doanh thu bán phụ tùng	315.192.502	433.572.880
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	330.466.282	-
	Mua dịch vụ	776.670.909	932.273.957
	Phải trả khác	19.632.459	24.700.715
	Bán công cụ dụng cụ	-	938.320.876
	Tặng vốn góp đầu tư	3.803.686.404	-
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông			
	Thu tiền tham quan học tập	450.951.670	26.363.636
	Cổ tức	46.381.304.993	44.477.884.650
	Lợi nhuận chuyển về Tổng công ty	82.797.694.220	-
	Chi phí lãi vay	1.957.017.331	2.440.633.336
	Doanh thu bán hàng	-	11.180.100
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn			
	Chi hộ	-	900.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2015 VND	2014 VND
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Cổ tức	652.205.000	-
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Thu tiền tham quan học tập	107.349.518	116.000.000
	Cổ tức	1.305.600.000	1.142.400.000
	Chi phí lãi vay	125.803.336	143.566.664
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Thu tiền tham quan học tập	363.070.052	158.181.818
	Cổ tức	8.925.000.000	-
	Doanh thu sửa chữa	-	15.169.910
	Chi phí lãi vay	1.887.050.000	2.313.740.000
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Doanh thu bán hàng	911.818.182	-
	Doanh thu dịch vụ	56.798.553	28.078.028
	Mua dịch vụ	360.701.988	328.567.833
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	Lãi cho vay	726.625	133.109.232
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	115.498.994	105.454.545
	Doanh thu bán xe	15.409.090.908	22.701.281.683
	Thu tiền tham quan học tập	84.366.105	105.454.545
	Thu hộ phí kiểm định	867.110.000	-
Công ty CP Cảng Phú Định	Lãi cho vay	492.616.010	2.546.964.403
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Lãi cho vay	291.285.159	535.716.350
	Thu tiền tham quan học tập	97.168.921	6.000.000
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Cho vay	1.000.000.000	800.000.000
	Lãi cho vay	18.666.666	24.482.907
	Thanh toán dịch vụ	-	100.495.500
Công ty CP Hoà Phú	Doanh thu bán xe	1.160.909.091	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.634.542	-
	Thu nhập khác	13.760.059	114.989.119
	Thu tiền tham quan học tập	97.168.921	-
	Mua hàng	6.027.272	-
	Mua dịch vụ	367.334.641	-
	Nhận ký quỹ dài hạn	30.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty liên quan	Nội dung giao dịch	2015 VND	2014 VND
	Lãi cho vay	-	441.616.113
	Cho vay	-	500.000.000
	Tặng vốn góp đầu tư	4.000.000.000	-
Công ty CP Ô tô An Thái	Lãi cho vay	164.296.749	223.949.233
	Cho vay	44.413.700.000	30.149.291.000
	Mua hàng	166.656.867	-
	Thu từ thanh lý thiết bị	-	2.000.000
	Tặng vốn góp đầu tư	1.810.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	Doanh thu cho thuê mặt bằng	12.615.773.043	11.018.151.936
	Thu nhập khác	6.883.536.033	1.780.663.781
	Mua hàng	5.093.893.875	364.037.838
Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	Doanh thu bán xe	2.202.163.637	-
	Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.659.139.953	3.654.098.496
	Doanh thu bán phụ tùng	3.343.000	-
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh	Mua hàng	7.463.856.027	-
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	Doanh thu bán xe	2.581.818.182	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.801.882	98.307.771
	Mua hàng	1.250.000	4.199.580
	Cổ tức	630.000.000	-
	Thu tiền tham quan học tập	-	26.363.636
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	Doanh thu dịch vụ	54.174.800	6.300.000
	Mua hàng	84.800.145.903	24.299.910.233
	Cổ tức	-	12.648.000.000
	Ký quỹ ngắn hạn	-	200.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Mua hàng	28.816.531.821	23.953.511.812
	Cổ tức	3.293.412.587	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Doanh thu bán hàng	1.155.204.167	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.208.957.523	2.788.390.407
	Mua hàng	971.110.690.642	694.601.750.732
	Cổ tức	46.171.398.000	16.313.449.000
	Thu tiền thưởng	435.460.290	-

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các công ty liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Phải thu khách hàng	55.105.697	111.774.250
	Phải thu ngắn hạn khác - Cổ tức	16.973.505.191	19.011.694.205
Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	Người mua trả tiền trước	-	(450.050.000)
	Phải thu ngắn hạn khác	-	1.112.320.876
	Phải trả người bán	(707.577.000)	-
	Phải trả ngắn hạn khác	(4.989.749)	(4.886.883)
	Nhận ký quỹ dài hạn	(2.747.608.000)	(2.747.608.000)
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Phải thu ngắn hạn khác - Lợi nhuận	68.590.990.911	40.255.467.064
	Phải thu ngắn hạn khác	-	29.000.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(34.000.000.000)	(34.207.286.667)
	Phải trả ngắn hạn khác	(181.639.333)	-
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	Phải thu khách hàng	3.204.318.792	3.204.318.792
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.837.000.000	2.837.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác – lãi vay	777.273.863	777.273.863
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(77.004.391)
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khác – Cổ tức	-	81.600.000
	Phải thu ngắn hạn khác – dịch vụ cung cấp	19.500.000	-
	Trả trước người bán	500.000	500.000
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.000.000.000)	(2.012.193.333)
	Phải trả ngắn hạn khác	(10.684.667)	-
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Phải thu khách hàng	2.600.000	2.600.000
	Phải thu ngắn hạn khác – Cổ tức	3.825.000.000	-
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(30.000.000.000)	(30.190.030.000)
	Phải trả ngắn hạn khác- Chi phí lãi vay	(160.270.000)	-
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khác	-	673.917.071

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty CP Cơ Khí Giao Thông Quận 4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	300.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác - Lãi vay	-	43.692.785
	Phải thu ngắn hạn khác	4.306.900.433	3.930.514.356
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	Phải thu khách hàng	145.103.830	1.537.262.405
	Người mua trả tiền trước	(5.600.000)	-
Công ty CP Cảng Phú Định	Phải thu về cổ phần hóa	-	167.731.333.709
	Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	39.941.674.166	45.941.674.166
	Phải thu ngắn hạn khác - Lãi vay	190.549.719	218.771.942
	Nhận ký quỹ dài hạn	(8.000.600)	(8.000.600)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.247.993.525	6.625.065.525
	Phải thu ngắn hạn khác - Lãi vay	41.094.904	41.075.407
	Phải thu ngắn hạn khác	97.500.000	6.000.000
	Phải thu về cổ phần hóa	-	25.345.302.682
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Phải thu ngắn hạn khác	972.222	87.888.889
Công ty CP Hoà Phú	Phải thu khách hàng	-	12.256.267
	Phải thu ngắn hạn khác	-	6.000.000
	Phải trả người bán	(274.901.187)	-
	Trả trước người bán	143.387.619	66.000.000
	Nhận ký quỹ dài hạn	(30.000.000)	-
Công ty CP Ô tô An Thái	Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.278.765.000	3.859.530.000
	Phải thu ngắn hạn khác - Lãi vay	41.007.018	22.396.717
	Trả trước người bán	-	52.976.000
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	Phải thu ngắn hạn khách hàng	89.058.238	74.256.916
	Phải trả người bán	(734.254.165)	(97.439.766)
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(1.817.571.400)
	Doanh thu chưa thực hiện	(119.122.662.045)	(124.397.466.273)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH DV Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho	Phải trả ngắn hạn khác	(2.431.611.852)	(2.173.611.852)
	Doanh thu chưa thực hiện	(47.433.006.546)	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	366.286.634	366.286.634
	Phải trả người bán ngắn hạn	(710.046.260)	(1.144.299.420)
Công ty CP Cơ Khí Ôtô Thủ Đức	Phải trả ngắn hạn khác	(181.446.100)	(181.446.100)
	Phải thu khách hàng	266.406.510	8.764.290
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Phải trả người bán	(140.620.054)	(6.312.914.980)
	Trả trước người bán	927.223.899	8.564.270
	Phải trả người bán	(6.698.909.091)	-
Công ty CP Vận Tải Ôtô Số 2	Trả trước người bán	5.550.680.000	609.400.000
	Phải thu khách hàng	1.277.415.405	696.158.403
Công ty TNHH Ôtô Isuzu Việt Nam	Phải trả người bán	(4.299.508.229)	(25.236.103.471)
	Trả trước người bán	37.961.671	-

7.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tổng Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo, ... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

0448
 CÔNG
 NHÌEM
 ẨM T
 VIỆT
 TP. H

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.3 Cam kết thuê

Hợp đồng thuê

Tổng Công ty có các hợp đồng thuê đất phải trả hàng năm sau:

Địa điểm thuê	Thời gian thuê	Diện tích đất thuê
Số 262 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	01/01/1996-01/01/2046	5.336 m ²
Số 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	23/06/1999-01/01/2046	5.682 m ²
Số 285 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	20/01/1996-20/01/2020	318,4 m ²
Số 708 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6	05/12/2005-05/12/2020	1.224 m ²
Số 444 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10	13/08/2007-13/08/2057	846,1 m ²
Số 36 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	13/09/2013-01/01/2046	8.473,4 m ²
Số 295 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân	04/08/2003-04/08/2053	638 m ²
Số 79, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	01/12/2006-31/12/2020	5.833,75 m ²
Số 01 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9	Ngắn hạn	8.078,5 m ²
Số 121-139 Cô Giang, quận 1.	21/05/2009-21/05/2059 (*)	13.229,9 m ²
1135.QL1A, P.Tân Tạo, Quận Bình Tân	15/06/1998-15/06/2048	3.592 m ²
1450 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 6	03/03/2009-03/03/2059	179,7 m ²
Áp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 1,	16/06/2003-16/06/2053	48.232 m ²
Áp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi - Nhà máy ô tô Củ Chi TC Khu 2	22/07/2009-22/07/2054	7.375,3 m ²
Cảng Phú Định, Phường 18, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	16/11/2011-16/11/2036	2.400 m ²
Lô số E3, E4, đường số 10, Cụm Công nghiệp Cơ khí Ô tô TP. Hồ Chí Minh, Xã Hòa Phú, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	15/12/2009-06/09/2057	38.674 m ²

(*) Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất 03 năm kể từ tháng 09 năm 2011 theo thông báo tạm miễn tiền thuê đất số 8672/TB-CT-QLĐ ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015
	VND
Trong vòng một năm	16.097.895.348
Trong vòng hai đến năm năm	62.163.207.953
	<u>78.261.103.301</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.4 Số liệu so sánh

7.4.1 Áp dụng qui định mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

7.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh

Các số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực IV ngày 18 tháng 11 năm 2014. Thêm vào đó, Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	31/12/2014 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2015 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	156.608.610.830	478.243.619	157.086.854.449	(*)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	59.929.556.325	59.929.556.325	(*)
Phải thu ngắn hạn khác	136	327.241.798.798	(41.219.012.569)	286.022.786.229	(*)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	2.072.897.025	2.072.897.025	(*)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.912.246.508	(288.333.667)	1.623.912.841	(*)
Tài sản ngắn hạn khác	155	20.721.526.523	(20.721.526.523)	-	(*)
Phải thu dài hạn khác	216	102.663.465.431	697.455.000	103.360.920.431	(*)
Tài sản dài hạn khác	268	697.455.000	(697.455.000)	-	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.451.779.700	53.266.622.249	65.718.401.949	(*)
Phải trả người lao động	314	78.318.775.074	(1.298.000.000)	77.020.775.074	(*)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	316.966.447.225	25.637.279.652	342.603.726.877	(*)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	192.777.632.520	(67.246.166.247)	125.531.466.273	(*)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	147.414.357.993	(25.637.279.652)	121.777.078.341	(*)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	83.438.268.204	(10.000.000)	83.428.268.204	(*)
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	11.179.670.039	2.106.538.138	13.286.208.177	(*)
Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.454.884.762.360	13.685.540.009	1.468.570.302.369	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	59.285.066.654	(252.709.939)	59.032.356.715	(*)

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
 Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


	Mã số	2014 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	2014 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	93.592.042.933	(60.874.566)	93.531.168.367	(*)
Thu nhập khác	31	40.675.248.793	(3.823.281.635)	36.851.967.158	(*)
Chi phí khác	32	6.720.563.426	(1.075.390.471)	5.645.172.955	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25.002.636.044	245.151.959	25.247.788.003	(*)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	188.654.418.710	(2.728.765.730)	185.925.652.980	(*)
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	10.700.000.000	10.700.000.000	(*)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	445.945.359.944	(16.092.693.600)	429.852.666.344	(*)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	903.612.350	(903.612.350)	-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(17.015.273.512)	9.025.071.680	(7.990.201.832)	(*)

(*) Công ty điều chỉnh lại theo bản chất của nghiệp vụ phát sinh dẫn đến số dư các tài khoản liên quan thay đổi.


7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


VÕ THỊ THANH THỦY
 Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
 Kế toán trưởng




TRẦN QUỐC TOÀN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016